

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÀI SẢN DELTA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÀI SẢN DELTA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DELTA ASSET SERVICES TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DELTA ASET.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108192917

**3. Ngày thành lập:** 21/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 14 ngách 66 ngõ 816 Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904622589

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210     |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>-Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>-Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                              | 4669     |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5610     |
| 6.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100     |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4290     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329     |
| 10. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4390     |
| 11. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4711     |

|     |                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4721        |
| 13. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4742        |
| 14. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4751        |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4761        |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                            | 5510        |
| 17. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                        | 5621        |
| 18. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                 | 5629        |
| 19. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                              | 5630        |
| 20. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản | 6820        |
| 21. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất                                                                                                                       | 7410        |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá                                                                | 7490(Chính) |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                | 4321        |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                       | 4330        |
| 26. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm các loại động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Phụ lục 3 của Luật đầu tư)      | 4620        |
| 27. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                         | 4631        |
| 28. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                   | 4632        |
| 29. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 30. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                 | 4641        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>-Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>-Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                               | 4649 |
| 32. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 33. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 34. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>-Bán buôn xi măng<br>-Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>-Bán buôn kính xây dựng<br>-Bán buôn sơn, vécni<br>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>-Bán buôn đồ ngũ kim<br>-Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.<br>-Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                     | 4663 |
| 35. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690 |
| 36. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4722 |
| 37. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741 |
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>-Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 39. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4753 |

|     |                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                     | 4771 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO QUANG TÙNG   | Số 19 tổ 35 Cụm 5, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    | B2768232                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN HOÀNG SƠN | Số 8 ngách 40/26 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    | 013451251                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ QUỐC HUY      | P1805 CT1-B1 Khu đô thị Xa la, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    | 014087000052                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                           | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 33,333    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 21/03/2018 đến ngày 20/04/2018

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/11/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013451251*

Ngày cấp: *19/07/2011*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 8 ngách 40/26 Kim giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 14 ngách 66 ngõ 816 Kim Giang, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội